PHỤ LỤC 01: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Thông báo số /TB- UBND ngày /11/2026 của UBND xã Khúc Thừa Dụ)

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1	1.014352	1.014352.01	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	Lao động	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
2	2.000077	2.000077.01	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
3	1.000186	1.000186.01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
4	1.000107	1.000107.01	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
5	1.000586	1.000586.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
6	1.003151	1.003151.01	Thủ tục chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Một phần
7	1.000526	1.000526.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
8	1.000555	1.000555.01	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
9	1.003338	1.003338.01	Thủ tục chấp thuận, chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
10	1.003463	1.003463.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
11	1.000195	1.000195.01	Thủ tục xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
12	2.000085	2.000085.01	Thủ tục xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
13	1.001201	1.001201.01	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
14	1.007956	1.007956.01	Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
15	1.014800	1.014800.01	Thủ tục xác nhận việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động tại địa điểm mới khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng là hợp tác xã	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Một phần
16	1.001627	1.001627.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng là hợp tác xã	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
17	1.001579	1.001579.01	Thủ tục chấp thuận giảm mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng là hợp tác xã	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
18	1.001621	1.001621.01	Thủ tục sửa đổi bổ sung Giấy phép trong trường hợp thay đổi địa chỉ không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính/ giảm mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng là hợp tác xã	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
19	1.001616	1.001616.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
20	1.001559	1.001559.01	Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của tổ chức tín dụng là hợp tác xã	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
21	1.000972	1.000972.01	Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
22	1.000111	1.000111.01	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
23	2.002811	2.002811.01	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
24	2.002812	2.002812.01	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
25	2.002813	2.002813.01	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
26	1.014985	1.014985.01	Thủ tục hỗ trợ chính sách phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025 - 2030	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
27	1.000055	1.000055.01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
28	1.002167	1.002167.01	Thủ tục chấp thuận tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch của ngân hàng thương mại	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
29	1.003331	1.003331.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
30	1.014969	1.014969.01	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
31	1.014968	1.014968.01	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
32	1.004191	1.004191.01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
33	1.014967	1.014967.01	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
34	1.001062	1.001062.01	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
35	1.001158	1.001158.01	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Công nghiệp hỗ trợ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
36	1.012427	1.012427.01	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm công nghiệp	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
37	2.001272	2.001272.01	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào	Thương mại biên giới và miền núi	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
38	2.001384	2.001384.01	Phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
39	1.013399	1.013399.01	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
40	2.001300	2.001300.01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
41	2.001322	2.001322.01	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
42	1.013400	1.013400.01	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
43	1.013398	1.013398.01	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
44	2.001313	2.001313.01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
45	1.014126	1.014126.01	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
46	1.000957	1.000957.01	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
47	1.000905	1.000905.01	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
48	1.000890	1.000890.01	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
49	1.014127	1.014127.01	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
50	1.013652	1.013652.01	Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
51	2.001292	2.001292.01	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
52	1.014125	1.014125.01	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
53	1.000477	1.000477.01	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
54	1.000264	1.000264.01	Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
55	1.001238	1.001238.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
56	1.001104	1.001104.01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
57	1.000400	1.000400.01	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
58	1.005406	1.005406.01	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
59	1.012567	1.012567.01	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
60	1.002939	1.002939.01	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
61	1.012471	1.012471.01	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	Nghề thủ công mỹ nghệ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
62	1.000350	1.000350.01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
63	1.012292	1.012292.01	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
64	1.012290	1.012290.01	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
65	1.012280	1.012280.01	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
66	1.012279	1.012279.01	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
67	1.012278	1.012278.01	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
68	1.014037	1.014037.01	Thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
69	1.012289	1.012289.01	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
70	2.000027	2.000027.01	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
71	2.000025	2.000025.01	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
72	1.000091	1.000091.01	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
73	1.012262	1.012262.01	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
74	2.000552	2.000552.01	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
75	1.012257	1.012257.01	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
76	2.000559	2.000559.01	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
77	1.001138	1.001138.01	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
78	1.009346	1.009346.01	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	Thi đua, khen thưởng	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
79	2.000655	2.000655.01	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
80	1.009249	1.009249.01	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Thi đua, khen thưởng	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
81	1.001386	1.001386.01	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
82	1.001806	1.001806.01	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
83	2.000972	2.000972.01	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
84	1.014203	1.014203.01	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
85	1.002238	1.002238.01	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	Mỹ phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
86	2.000981	2.000981.01	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
87	2.000993	2.000993.01	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
88	1.014102	1.014102.01	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
89	1.014101	1.014101.01	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
90	1.002600	1.002600.01	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
91	1.014099	1.014099.01	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
92	1.003055	1.003055.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
93	1.003064	1.003064.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
94	1.003068	1.003068.01	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
95	1.014090	1.014090.01	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
96	1.003073	1.003073.01	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
97	1.003580	1.003580.01	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
98	1.014100	1.014100.01	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
99	2.001661	2.001661.01	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
100	1.004539	1.004539.01	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	Đào tạo và nghiên cứu khoa học	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
101	1.014076	1.014076.01	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
102	1.014078	1.014078.01	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
103	1.006780	1.006780.01	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
104	1.014105	1.014105.01	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
105	1.009566	1.009566.01	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
106	1.012256	1.012256.01	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
107	1.012258	1.012258.01	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
108	1.014092	1.014092.01	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
109	1.012261	1.012261.01	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
110	1.012260	1.012260.01	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
111	1.012272	1.012272.01	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
112	1.012273	1.012273.01	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
113	1.014087	1.014087.01	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
114	1.012271	1.012271.01	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
115	1.012275	1.012275.01	Đăng ký hành nghề	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
116	1.014069	1.014069.01	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc.	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
117	1.012276	1.012276.01	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
118	1.012281	1.012281.01	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
119	1.014010	1.014010.01	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
120	1.012416	1.012416.01	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
121	1.014011	1.014011.01	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
122	1.012415	1.012415.01	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
123	1.012417	1.012417.01	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
124	1.012418	1.012418.01	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
125	1.012419	1.012419.01	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
126	1.013895	1.013895.01	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
127	1.012993	1.012993.01	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bảo trợ xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
128	1.013034	1.013034.01	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
129	1.013035	1.013035.01	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
130	1.013893	1.013893.01	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
131	1.013036	1.013036.01	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
132	1.013892	1.013892.01	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
133	1.013037	1.013037.01	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
134	1.013887	1.013887.01	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
135	1.013890	1.013890.01	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
136	1.013824	1.013824.01	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	Đào tạo và nghiên cứu khoa học	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
137	1.013817	1.013817.01	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
138	1.013829	1.013829.01	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
139	1.013838	1.013838.01	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
140	1.013889	1.013889.01	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
141	1.013841	1.013841.01	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã đoợc tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận noớc ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Doơng đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
142	1.013855	1.013855.01	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
143	1.013884	1.013884.01	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
144	1.013847	1.013847.01	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS).	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
145	1.013851	1.013851.01	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh doỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
146	1.013881	1.013881.01	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
147	1.013844	1.013844.01	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã đoợc tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận noớc ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Doơng đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
148	1.013880	1.013880.01	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
149	1.013850	1.013850.01	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
150	1.013879	1.013879.01	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
151	1.013850	1.013850.02	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
152	1.013857	1.013857.01	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
153	1.013870	1.013870.01	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
154	1.013858	1.013858.01	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dọỉỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
155	1.013862	1.013862.01	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
156	1.013869	1.013869.01	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
157	1.013868	1.013868.01	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
158	1.013866	1.013866.01	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế..	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
159	1.013891	1.013891.01	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
160	1.013868	1.013868.02	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
161	1.013864	1.013864.01	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
162	1.013883	1.013883.01	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu .	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
163	1.013873	1.013873.01	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
164	1.013874	1.013874.01	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
165	1.013886	1.013886.01	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
166	1.013872	1.013872.01	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
167	1.013860	1.013860.01	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
168	1.013865	1.013865.01	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
169	1.013871	1.013871.01	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	Giám định	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
170	1.013867	1.013867.01	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
171	1.012291	1.012291.01	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
172	1.014432	1.014432.01	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
173	2.002817	2.002817.01	Cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam	Sở giao dịch hàng hóa	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
174	2.000450	2.000450.01	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
175	2.000334	2.000334.01	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
176	2.000362	2.000362.01	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
177	2.000340	2.000340.01	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
178	1.005405	1.005405.01	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
179	2.000339	2.000339.01	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
180	1.000358	1.000358.01	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
181	1.013778	1.013778.01	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
182	2.000351	2.000351.01	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
183	2.000314	2.000314.01	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
184	1.000421	1.000421.01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
185	2.000255	2.000255.01	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
186	2.000665	2.000665.01	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
187	2.000347	2.000347.01	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
188	2.000272	2.000272.01	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
189	2.000129	2.000129.01	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
190	1.013987	1.013987.01	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh	Dầu khí	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
191	1.014571	1.014571.01	Cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam	Sở giao dịch hàng hóa	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
192	1.014572	1.014572.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam	Sở giao dịch hàng hóa	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
193	2.000046	2.000046.01	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
194	1.005190	1.005190.01	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
195	2.000110	2.000110.01	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
196	1.000376	1.000376.01	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
197	2.000662	2.000662.01	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
198	1.001441	1.001441.01	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
199	2.000322	2.000322.01	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
200	2.000330	2.000330.01	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
201	1.000168	1.000168.01	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
202	1.000774	1.000774.01	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
203	2.002166	2.002166.01	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
204	1.000361	1.000361.01	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
205	2.000370	2.000370.01	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
206	2.000327	2.000327.01	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
207	2.000063	2.000063.01	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
208	2.000361	2.000361.01	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
209	1.010696	1.010696.01	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	Lưu thông hàng hóa trong nước	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
210	1.002856	1.002856.01	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
211	1.014334	1.014334.01	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
212	1.012906	1.012906.01	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	Kinh doanh bất động sản	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
213	1.001751	1.001751.01	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
214	1.004261	1.004261.01	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
215	1.012905	1.012905.01	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Kinh doanh bất động sản	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
216	1.000028	1.000028.01	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
217	3.000465	3.000465.01	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Văn bằng, chứng chỉ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
218	1.014941	1.014941.01	THỦ TỤC QUỸ TỰ GIẢI THỂ (Cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
219	1.005098	1.005098.01	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
220	1.005095	1.005095.01	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
221	1.009794	1.009794.01	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
222	2.001034	2.001034.01	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
223	1.014159	1.014159.01	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
224	2.001372	2.001372.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
225	1.013237	1.013237.01	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
226	1.008667	1.008667.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
227	1.014155	1.014155.01	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
228	1.003135	1.003135.01	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
229	1.000729	1.000729.01	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
230	1.001023	1.001023.01	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
231	1.013239	1.013239.01	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
232	1.001765	1.001765.01	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
233	3.000507	3.000507.01	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
234	1.013274	1.013274.01	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
235	1.013061	1.013061.01	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
236	1.010056	1.010056.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
237	1.002861	1.002861.01	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
238	1.012903	1.012903.01	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	Kinh doanh bất động sản	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
239	2.001921	2.001921.01	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
240	1.014936	1.014936.01	THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ QUỸ (Cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
241	1.012900	1.012900.01	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
242	1.002877	1.002877.01	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
243	1.013222	1.013222.01	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
244	1.001777	1.001777.01	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
245	1.004002	1.004002.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
246	1.014939	1.014939.02	THỦ TỤC CHO PHÉP QUỸ HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG (Cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
247	2.000795	2.000795.01	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
248	3.000508	3.000508.01	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
249	1.012902	1.012902.01	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	Kinh doanh bất động sản	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
250	1.000672	1.000672.01	Công bố lại bến xe khách	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
251	1.014938	1.014938.01	THỦ TỤC CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) QUỸ; ĐỔI TÊN QUỸ (Cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
252	1.014783	1.014783.01	Cấp giấy phép lưu thông vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy	Vật liệu xây dựng	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
253	1.002829	1.002829.01	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
254	1.012661	1.012661.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
255	1.014937	1.014937.01	THỦ TỤC CÔNG NHẬN QUỸ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ; CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ KHI THAY ĐỔI, BỔ SUNG THÀNH VIÊN HOẶC HẾT NHIỆM KỲ (Cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
256	3.000506	3.000506.01	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
257	2.002001	2.002001.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
258	1.001061	1.001061.01	Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
259	1.012606	1.012606.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
260	1.014158	1.014158.01	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
261	1.012656	1.012656.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM TRONG ĐỊA BÀN MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
262	1.014940	1.014940.01	THỦ TỤC HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, MỞ RỘNG PHẠM VI HOẠT ĐỘNG QUỸ (Cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
263	2.001659	2.001659.01	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
264	1.010762	1.010762.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
265	1.012653	1.012653.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM ĐẾN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁC (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
266	1.012616	1.012616.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ MỞ LỚP BỒI DƯỠNG VỀ TÔN GIÁO CHO NGƯỜI CHUYÊN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
267	1.000694	1.000694.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
268	1.001046	1.001046.01	Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
269	2.000303	2.000303.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AI	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
270	1.003970	1.003970.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
271	1.000432	1.000432.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AJ	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
272	1.012664	1.012664.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI HIẾN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
273	1.004259	1.004259.01	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
274	1.000603	1.000603.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AK	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
275	1.012927	1.012927.02	THỦ TỤC CÔNG NHẬN BAN VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP HỘI (Cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
276	1.012657	1.012657.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
277	1.000665	1.000665.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu D	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
278	1.012632	1.012632.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CHO TỔ CHỨC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
279	1.012660	1.012660.01	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt nam (Cấp Tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
280	1.002286	1.002286.01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
281	1.012946	1.012946.02	THỦ TỤC HỘI TỰ GIẢI THỂ (CẤP TỈNH).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
282	1.012641	1.012641.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP ĐĂNG KÝ PHÁP NHÂN PHI THƯƠNG MẠI CHO TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
283	1.001737	1.001737.01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
284	1.012637	1.012637.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
285	1.014157	1.014157.01	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
286	1.013466	1.013466.01	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
287	1.012646	1.012646.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI CHỨC SẮC, NHÀ TU HÀNH LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐẾN GIẢNG ĐẠO CHO TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
288	1.001577	1.001577.01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
289	1.012943	1.012943.02	THỦ TỤC THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐẠI HỘI VÀ PHÊ DUYỆT ĐỔI TÊN HỘI, PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ HỘI (CẤP TỈNH)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
290	1.012648	1.012648.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
291	1.013830	1.013830.01	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
292	1.004088	1.004088.01	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
293	1.012658	1.012658.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
294	1.012672	1.012672.01	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Cấp Tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
295	1.012645	1.012645.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI TÊN CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
296	2.001687	2.001687.01	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
297	1.013818	1.013818.01	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
298	1.012929	1.012929.02	THỦ TỤC THÀNH LẬP HỘI (CẤP TỈNH).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
299	1.013236	1.013236.01	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
300	1.013835	1.013835.01	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
301	1.014509	1.014509.01	Thủ tục hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe tại khu, điểm du lịch	Du lịch	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
302	2.001711	2.001711.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
303	1.012948	1.012948.02	THỦ TỤC CHO PHÉP HỘI HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN (CẤP TỈNH)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
304	1.002693	1.002693.01	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
305	1.013839	1.013839.01	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
306	1.000431	1.000431.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VK	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
307	1.012890	1.012890.01	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Nhà ở và công sở	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
308	1.012655	1.012655.01	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (Cấp Tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
309	1.001296	1.001296.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
310	1.012898	1.012898.01	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Nhà ở và công sở	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
311	2.000647	2.000647.01	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
312	1.013837	1.013837.01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
313	1.013816	1.013816.01	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
314	1.001223	1.001223.01	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
315	2.000645	2.000645.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
316	1.013842	1.013842.01	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
317	2.000648	2.000648.01	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
318	1.013832	1.013832.01	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
319	1.013810	1.013810.01	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
320	1.014506	1.014506.01	Thủ tục hỗ trợ xây dựng mới Nhà đón khách, trưng bày, mua sắm sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp, nông thôn tại khu, điểm du lịch	Du lịch	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
321	1.012607	1.012607.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
322	1.003930	1.003930.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
323	2.001680	2.001680.01	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
324	1.010000	1.010000.01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
325	1.013843	1.013843.01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
326	1.014505	1.014505.01	Thủ tục hỗ trợ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (tiếng Anh là homestay) tại khu, điểm du lịch	Du lịch	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
327	1.014507	1.014507.01	Thủ tục hỗ trợ xây dựng mới nhà vệ sinh công cộng tại khu, điểm du lịch	Du lịch	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
328	1.013853	1.013853.01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
329	1.014511	1.014511.01	Thủ tục hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, phường rối nước, đội pháo đất	Du lịch	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
330	1.012639	1.012639.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỰ GIẢI THỂ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHƯƠNG (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
331	1.012945	1.012945.02	THỦ TỤC CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT HỘI (CẤP TỈNH).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
332	1.000382	1.000382.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EAV	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
333	1.002817	1.002817.01	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
334	1.013836	1.013836.01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
335	3.000435	3.000435.02	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
336	1.013808	1.013808.01	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
337	1.013848	1.013848.01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
338	1.012907	1.012907.01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	Kinh doanh bất động sản	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
339	1.012833	1.012833.03	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
340	1.013806	1.013806.01	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
341	1.013777	1.013777.01	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
342	1.013846	1.013846.01	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
343	1.012832	1.012832.01	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
344	1.013805	1.013805.01	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
345	1.013224	1.013224.01	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
346	1.013852	1.013852.01	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
347	1.012910	1.012910.01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	Kinh doanh bất động sản	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
348	1.013126	1.013126.01	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	Ứng phó sự cố tràn dầu bqp	Bộ Quốc phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
349	1.014510	1.014510.01	Thủ tục hỗ trợ mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch tại khu, điểm du lịch	Du lịch	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
350	1.014339	1.014339.01	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
351	3.000444	3.000444.01	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
352	1.000660	1.000660.01	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
353	1.013849	1.013849.01	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
354	2.000970	2.000970.01	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
355	1.000049	1.000049.01	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
356	2.002624	2.002624.01	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
357	1.013807	1.013807.01	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
358	1.004096	1.004096.01	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
359	1.013856	1.013856.01	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
360	1.013769	1.013769.01	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
361	2.000954	2.000954.01	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
362	1.009791	1.009791.01	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
363	1.013804	1.013804.01	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
364	1.013859	1.013859.01	Cấp thẻ công chứng viên	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
365	2.000769	2.000769.01	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
366	1.012942	1.012942.01	THỦ TỤC BÁO CÁO TỔ CHỨC ĐẠI HỘI THÀNH LẬP, ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ, ĐẠI HỘI BẤT THƯỜNG CỦA HỘI (CẤP TỈNH)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
367	2.000840	2.000840.01	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
368	1.013467	1.013467.01	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
369	2.001802	2.001802.01	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
370	1.002268	1.002268.01	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
371	1.002046	1.002046.01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
372	1.013812	1.013812.01	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
373	2.000829	2.000829.01	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
374	1.013644	1.013644.01	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh	Quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
375	1.013803	1.013803.01	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
376	1.013261	1.013261.01	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
377	2.000596	2.000596.01	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
378	1.013260	1.013260.01	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
379	1.001233	1.001233.01	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
380	2.002835	2.002835.01	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
381	2.000592	2.000592.01	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
382	2.002139	2.002139.01	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
383	1.004993	1.004993.01	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
384	1.014716	1.014716.01	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
385	2.000587	2.000587.01	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
386	1.013217	1.013217.01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
387	1.005058	1.005058.01	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
388	1.010733	1.010733.01	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) (1.010733)	Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
389	2.000518	2.000518.01	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
390	1.003915	1.003915.01	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
391	1.013238	1.013238.01	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
392	1.005136	1.005136.01	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
393	1.000302	1.000302.01	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
394	2.002036	2.002036.01	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
395	1.010727	1.010727.01	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010727)	Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
396	1.010729	1.010729.01	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010729)	Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
397	1.002551	1.002551.01	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
398	2.002038	2.002038.01	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
399	1.014890	1.014890.01	Thủ tục gia hạn thử nghiệm có kiểm soát	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
400	1.013259	1.013259.01	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
401	2.002039	2.002039.01	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
402	1.002771	1.002771.01	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
403	1.014887	1.014887.01	Thủ tục điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
404	1.014886	1.014886.01	Thủ tục cấp phép thử nghiệm có kiểm soát	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
405	1.005210	1.005210.01	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
406	1.001623	1.001623.01	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
407	1.014837	1.014837.01	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
408	1.014884	1.014884.01	Thủ tục xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
409	2.001225	2.001225.01	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
410	1.005464	1.005464.01	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
411	1.014622	1.014622.01	Thủ tục xét duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
412	1.000390	1.000390.01	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
413	1.012893	1.012893.01	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
414	1.014839	1.014839.01	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
415	1.000802	1.000802.01	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
416	1.004650	1.004650.01	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Quảng cáo	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
417	2.000873	2.000873.01	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
418	1.002847	1.002847.01	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
419	1.000404	1.000404.01	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
420	1.002338	1.002338.01	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
421	1.000426	1.000426.01	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
422	2.000894	2.000894.01	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
423	1.000588	1.000588.01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
424	1.003198	1.003198.01	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
425	1.000614	1.000614.01	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
426	1.002357	1.002357.01	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
427	2.002615	2.002615.01	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
428	1.000627	1.000627.01	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
429	1.004878	1.004878.01	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Nuôi con nuôi	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
430	1.005021	1.005021.01	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
431	1.001600	1.001600.01	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
432	1.004694	1.004694.01	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
433	1.001704	1.001704.01	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
434	1.001671	1.001671.01	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
435	1.003634	1.003634.01	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
436	1.001216	1.001216.01	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
437	1.012895	1.012895.01	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
438	2.001219	2.001219.01	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
439	1.001440	1.001440.01	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
440	1.001432	1.001432.01	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
441	1.003666	1.003666.01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
442	1.001376	1.001376.01	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – khen thưởng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
443	1.014790	1.014790.01	Chấp thuận thiết kế nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	Đường bộ	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
444	1.001213	1.001213.01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
445	1.010704	1.010704.01	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
446	1.013230	1.013230.01	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
447	1.001211	1.001211.01	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
448	1.012885	1.012885.01	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
449	1.001147	1.001147.01	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
450	1.012892	1.012892.01	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Nhà ở và công sở	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
451	2.002819	2.002819.01	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thuỷ sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA)	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
452	1.010702	1.010702.01	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
453	1.001108	1.001108.01	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – khen thưởng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
454	1.000321	1.000321.01	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
455	1.001091	1.001091.01	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
456	1.001082	1.001082.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
457	2.002617	2.002617.01	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
458	1.001322	1.001322.01	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
459	2.000568	2.000568.01	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
460	2.001694	2.001694.01	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
461	1.001032	1.001032.01	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – khen thưởng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
462	1.000983	1.000983.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
463	1.008906	1.008906.01	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
464	1.004794	1.004794.01	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
465	1.000971	1.000971.01	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – khen thưởng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
466	2.000555	2.000555.01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
467	1.002099	1.002099.01	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
468	1.008904	1.008904.01	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
469	1.007927	1.007927.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
470	1.002560	1.002560.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
471	1.000871	1.000871.01	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	Thi đua – khen thưởng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
472	2.001236	2.001236.01	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
473	1.000830	1.000830.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
474	1.000564	1.000564.01	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Thi đua – khen thưởng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
475	1.013468	1.013468.01	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
476	1.003971	1.003971.01	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
477	1.002153	1.002153.01	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
478	1.007928	1.007928.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
479	1.014791	1.014791.01	Cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	Đường bộ	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
480	1.001122	1.001122.01	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
481	1.004363	1.004363.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
482	1.003897	1.003897.01	Cấp lại Giấy phép lái tàu	Đường sắt	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
483	1.001117	1.001117.01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
484	2.001427	2.001427.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
485	1.011454	1.011454.01	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Điện ảnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
486	1.003395	1.003395.01	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
487	1.003984	1.003984.01	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
488	1.009284	1.009284.01	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
489	1.012071	1.012071.01	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
490	1.006412	1.006412.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
491	2.002516	2.002516.01	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
492	2.002188	2.002188.01	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
493	1.009283	1.009283.01	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
494	1.000294	1.000294.01	Bãi bỏ đường ngang	Đường sắt	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
495	1.012072	1.012072.01	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
496	1.012062	1.012062.01	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
497	1.013276	1.013276.01	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đấu nối vào đường cao tốc	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
498	1.008916	1.008916.01	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
499	1.012064	1.012064.01	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
500	1.005452	1.005452.01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
501	1.005357	1.005357.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
502	1.005162	1.005162.01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
503	1.005134	1.005134.01	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	Đường sắt	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
504	1.008915	1.008915.01	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
505	1.008914	1.008914.01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
506	1.009479	1.009479.01	Xét cấp giấy phép lái tàu	Đường sắt	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
507	1.012896	1.012896.01	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
508	1.004628	1.004628.01	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
509	1.004623	1.004623.01	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
510	1.004614	1.004614.01	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
511	1.004594	1.004594.01	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
512	2.002616	2.002616.01	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
513	1.000314	1.000314.01	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
514	1.002798	1.002798.01	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
515	1.008910	1.008910.01	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
516	1.004572	1.004572.01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
517	1.004551	1.004551.01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
518	1.004528	1.004528.01	Thủ tục công nhận điểm du lịch	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
519	1.000344	1.000344.01	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
520	1.004508	1.004508.01	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
521	1.008909	1.008909.01	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
522	1.014156	1.014156.01	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
523	1.004503	1.004503.01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
524	1.008908	1.008908.01	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
525	2.001740	2.001740.01	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất bản, in và phát hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
526	2.001737	2.001737.01	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất bản, in và phát hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
527	3.000496	3.000496.01	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
528	1.003901	1.003901.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
529	1.008913	1.008913.01	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
530	1.003888	1.003888.01	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Thông tin đối ngoại	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
531	1.004819	1.004819.01	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
532	2.001641	2.001641.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
533	2.001631	2.001631.01	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
534	1.013698	1.013698.01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
535	1.008911	1.008911.01	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
536	1.008907	1.008907.01	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
537	1.013699	1.013699.01	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất bản, in và phát hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
538	1.003838	1.003838.01	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
539	1.003793	1.003793.01	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
540	1.003784	1.003784.01	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
541	2.001594	2.001594.01	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Xuất bản, in và phát hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
542	1.013456	1.013456.01	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
543	2.002739	2.002739.01	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
544	2.002738	2.002738.01	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
545	1.004047	1.004047.01	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
546	1.012082	1.012082.01	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
547	1.012080	1.012080.01	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
548	2.001716	2.001716.01	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
549	1.000045	1.000045.01	Xác nhận bảng kê lâm sản	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
550	1.012891	1.012891.01	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
551	1.002063	1.002063.01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
552	1.013231	1.013231.01	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
553	1.013233	1.013233.01	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
554	1.012882	1.012882.01	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
555	1.013277	1.013277.01	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Đường bộ	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
556	1.013219	1.013219.01	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
557	1.009464	1.009464.01	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
558	1.012897	1.012897.01	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Nhà ở và công sở	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
559	1.013235	1.013235.01	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	Hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
560	1.009463	1.009463.01	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
561	1.001248	1.001248.01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
562	2.002192	2.002192.01	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
563	2.002191	2.002191.01	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
564	2.000515	2.000515.01	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
565	2.001130	2.001130.01	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Quản tài viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
566	1.002681	1.002681.01	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Quản tài viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
567	2.001117	2.001117.01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Quản tài viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
568	1.002626	1.002626.01	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
569	1.008905	1.008905.01	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
570	1.004117	1.004117.01	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
571	1.004150	1.004150.01	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
572	1.014833	1.014833.01	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
573	1.000969	1.000969.01	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
574	1.008890	1.008890.01	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
575	1.009481	1.009481.01	Công nhận khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
576	1.008888	1.008888.01	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
577	1.005401	1.005401.01	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
578	1.005400	1.005400.01	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
579	1.008887	1.008887.01	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
580	1.005399	1.005399.01	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
581	1.000942	1.000942.01	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
582	1.008672	1.008672.01	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
583	1.008886	1.008886.01	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
584	1.008675	1.008675.01	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
585	1.008889	1.008889.01	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
586	1.008682	1.008682.01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
587	1.008885	1.008885.01	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
588	1.014022	1.014022.01	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
589	2.000822	2.000822.01	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
590	1.014630	1.014630.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
591	3.000198	3.000198.01	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
592	1.007916	1.007916.01	Nộp tiền trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
593	1.014605	1.014605.01	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
594	1.012413	1.012413.01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
595	1.011470	1.011470.01	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
596	1.011478	1.011478.01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
597	1.011475	1.011475.01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
598	1.004022	1.004022.01	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
599	1.012835	1.012835.01	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
600	2.000672	2.000672.01	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
601	2.000669	2.000669.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
602	2.000673	2.000673.01	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
603	2.000664	2.000664.01	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
604	2.000666	2.000666.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
605	1.012834	1.012834.01	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
606	1.001383	1.001383.01	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
607	1.003522	1.003522.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
608	2.001682	2.001682.01	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
609	2.000140	2.000140.01	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
610	2.000535	2.000535.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
611	1.003654	1.003654.01	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
612	1.003676	1.003676.01	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
613	1.001801	1.001801.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
614	1.002001	1.002001.01	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
615	1.002003	1.002003.01	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
616	1.002396	1.002396.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
617	1.002445	1.002445.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
618	1.012947	1.012947.02	THỦ TỤC CHO PHÉP HỘI ĐẶT CHI NHÁNH HOẶC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN (CẤP TỈNH).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
619	1.004944	1.004944.01	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
620	1.012422	1.012422.01	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	Thi đua, khen thưởng	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
621	1.002549	1.002549.02	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
622	1.002409	1.002409.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
623	1.009465	1.009465.01	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
624	1.000084	1.000084.01	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
625	2.001683	2.001683.01	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác thanh niên	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
626	1.003586	1.003586.01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
627	1.012886	1.012886.01	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
628	1.009451	1.009451.01	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
629	1.012894	1.012894.01	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
630	1.002374	1.002374.01	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
631	2.002850	2.002850.01	Cấp lại văn bằng, chứng chỉ	Văn bằng, chứng chỉ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
632	1.013110	1.013110.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
633	1.010707	1.010707.01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
634	1.006391	1.006391.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
635	3.000466	3.000466.01	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Văn bằng, chứng chỉ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
636	1.004844	1.004844.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
637	1.012883	1.012883.01	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Nhà ở và công sở	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
638	1.002381	1.002381.01	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
639	1.009448	1.009448.01	Thiết lập khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
640	1.012887	1.012887.01	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	Nhà ở và công sở	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
641	2.001591	2.001591.01	Thủ tục cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
642	2.001584	2.001584.01	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất bản, in và phát hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
643	1.003870	1.003870.01	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
644	1.003851	1.003851.01	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
645	1.013801	1.013801.01	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
646	1.003741	1.003741.01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
647	1.003681	1.003681.01	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
648	1.008122	1.008122.01	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
649	1.008126	1.008126.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
650	1.011031	1.011031.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
651	1.008128	1.008128.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
652	1.013937	1.013937.01	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt.	Văn thư và lưu trữ nhà nước	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
653	2.001564	2.001564.01	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)	Xuất bản, in và phát hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
654	2.001426	2.001426.01	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
655	1.003111	1.003111.01	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
656	1.003082	1.003082.01	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
657	1.003058	1.003058.01	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
658	1.002996	1.002996.01	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
659	1.000081	1.000081.01	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
660	1.000071	1.000071.01	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
661	2.002773	2.002773.01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
662	1.000058	1.000058.01	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
663	2.002772	2.002772.01	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
664	1.000047	1.000047.01	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
665	1.001229	1.001229.01	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
666	1.003743	1.003743.01	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	Văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
667	1.005040	1.005040.01	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
668	1.001517	1.001517.01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
669	1.001738	1.001738.01	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
670	1.001837	1.001837.01	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
671	1.004036	1.004036.01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
672	1.003717	1.003717.02	Trường hợp nội dung hoạt động KHÔNG PHÙ HỢP với cam kết quốc tế	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
673	1.014750	1.014750.01	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
674	2.001091	2.001091.01	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
675	1.003441	1.003441.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
676	2.001098	2.001098.01	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
677	1.001976	1.001976.01	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
678	1.003483	1.003483.01	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Xuất bản, in và phát hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
679	1.001755	1.001755.01	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
680	1.003490	1.003490.01	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
681	1.001755	1.001755.02	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng - Trường hợp phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
682	1.014751	1.014751.01	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
683	1.001056	1.001056.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
684	1.000883	1.000883.01	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
685	1.012081	1.012081.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
686	1.000842	1.000842.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
687	1.001822	1.001822.01	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
688	1.001106	1.001106.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
689	1.003738	1.003738.01	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
690	1.001123	1.001123.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
691	1.000560	1.000560.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
692	1.000544	1.000544.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
693	1.014218	1.014218.01	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
694	1.014616	1.014616.01	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
695	1.014612	1.014612.01	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
696	1.014615	1.014615.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
697	1.014614	1.014614.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
698	2.002840	2.002840.01	Thủ tục hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Văn học	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
699	1.014613	1.014613.01	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
700	2.002839	2.002839.01	Thủ tục lựa chọn đề cương để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Văn học	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
701	1.014608	1.014608.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
702	1.009442	1.009442.01	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
703	1.014610	1.014610.01	Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
704	1.009460	1.009460.01	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
705	1.014629	1.014629.01	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
706	1.003275	1.003275.01	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
707	1.014609	1.014609.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
708	1.003240	1.003240.01	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
709	1.008723	1.008723.01	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
710	1.009459	1.009459.01	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
711	1.000904	1.000904.01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
712	1.003002	1.003002.01	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
713	1.014611	1.014611.01	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
714	1.008721	1.008721.01	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
715	1.000485	1.000485.01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
716	1.001833	1.001833.01	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
717	1.001195	1.001195.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
718	1.003717	1.003717.01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
719	1.008720	1.008720.01	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
720	1.001809	1.001809.01	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
721	1.009449	1.009449.01	Công bố hoạt động khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
722	1.003560	1.003560.01	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
723	1.001455	1.001455.01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
724	1.014144	1.014144.01	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
725	2.001628	2.001628.01	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
726	1.004580	1.004580.01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
727	1.004605	1.004605.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
728	1.014217	1.014217.01	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
729	2.001496	2.001496.01	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
730	2.002343	2.002343.01	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
731	1.002334	1.002334.01	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
732	1.013105	1.013105.01	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
733	1.002013	1.002013.01	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
734	1.001782	1.001782.01	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
735	1.002022	1.002022.01	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Thể dục thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
736	1.014923	1.014923.01	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
737	1.014359	1.014359.01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
738	1.004964	1.004964.01	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
739	1.009466	1.009466.01	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	Lao động, tiền lương	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
740	2.000977	2.000977.01	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
741	1.009832	1.009832.01	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
742	2.000632	2.000632.01	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	Giáo dục nghề nghiệp (g07-lđ06)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
743	1.013338	1.013338.01	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
744	2.002593	2.002593.01	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
745	1.002982	1.002982.01	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
746	2.001959	2.001959.01	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Giáo dục nghề nghiệp (g07-lđ06)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
747	1.009394	1.009394.01	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Thi, tuyển sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
748	1.000482	1.000482.01	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp (g07-lđ06)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
749	1.013840	1.013840.01	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
750	1.013834	1.013834.01	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
751	1.001714	1.001714.01	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
752	1.014957	1.014957.01	Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú	Thi, tuyển sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
753	1.014333	1.014333.01	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
754	1.005090	1.005090.01	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
755	3.000181	3.000181.01	Tuyển sinh trung học phổ thông	Giáo dục trung học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
756	1.012687	1.012687.01	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
757	1.009002	1.009002.01	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
758	1.007918	1.007918.01	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
759	2.001595	2.001595.01	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
760	1.012921	1.012921.01	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
761	3.000501	3.000501.01	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
762	1.014836	1.014836.01	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
763	1.014838	1.014838.01	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
764	1.012692	1.012692.01	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
765	1.012689	1.012689.01	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
766	1.012690	1.012690.01	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
767	3.000160	3.000160.01	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
768	3.000159	3.000159.01	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
769	3.000152	3.000152.01	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
770	2.001660	2.001660.01	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
771	1.007926	1.007926.01	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
772	1.012070	1.012070.01	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Trồng trọt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
773	1.012063	1.012063.01	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
774	1.008003	1.008003.01	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
775	1.007999	1.007999.01	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng).	Trồng trọt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
776	1.007994	1.007994.01	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.	Trồng trọt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
777	1.010090	1.010090.01	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Trồng trọt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
778	1.012503	1.012503.01	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
779	1.012504	1.012504.01	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
780	1.012501	1.012501.01	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
781	1.011518	1.011518.01	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
782	1.013799	1.013799.01	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
783	2.001850	2.001850.01	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
784	1.004283	1.004283.01	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
785	2.001770	2.001770.01	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
786	1.004232	1.004232.01	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
787	1.004228	1.004228.01	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
788	1.004223	1.004223.01	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
789	1.004211	1.004211.01	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
790	1.004179	1.004179.01	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
791	1.004167	1.004167.01	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
792	1.004122	1.004122.01	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
793	2.001738	2.001738.01	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
794	1.011647	1.011647.01	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Khoa học và công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
795	2.000066	2.000066.01	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
796	1.013417	1.013417.01	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
797	1.013418	1.013418.01	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh;	Điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
798	1.013419	1.013419.01	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh;	Điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
799	1.013420	1.013420.01	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
800	1.013004	1.013004.01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
801	3.000436	3.000436.01	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
802	1.013401	1.013401.01	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
803	1.013411	1.013411.01	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
804	1.005189	1.005189.01	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
805	1.014818	1.014818.01	Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Công nghiệp hỗ trợ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
806	1.004943	1.004943.01	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
807	1.004929	1.004929.01	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
808	1.004923	1.004923.01	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
809	1.004921	1.004921.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
810	1.004918	1.004918.01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
811	1.004915	1.004915.01	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
812	1.004913	1.004913.01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
813	1.004692	1.004692.01	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
814	1.004683	1.004683.01	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
815	2.002625	2.002625.01	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
816	1.014989	1.014989.01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
817	1.005126	1.005126.01	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
818	1.014988	1.014988.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
819	1.005123	1.005123.01	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	Đường sắt	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
820	1.014993	1.014993.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
821	1.014990	1.014990.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
822	1.004427	1.004427.01	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
823	2.001796	2.001796.01	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
824	2.001795	2.001795.01	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
825	2.000591	2.000591.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
826	1.013819	1.013819.01	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
827	2.001793	2.001793.01	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
828	1.003929	1.003929.01	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
829	1.014992	1.014992.01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
830	1.004385	1.004385.01	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
831	2.000117	2.000117.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
832	1.010830	1.010830.01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
833	1.014991	1.014991.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
834	2.000115	2.000115.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
835	1.004359	1.004359.01	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
836	1.014987	1.014987.01	Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
837	1.003860	1.003860.01	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
838	1.014986	1.014986.01	Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
839	1.003951	1.003951.01	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
840	1.014921	1.014921.01	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
841	2.000309	2.000309.01	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
842	1.004344	1.004344.01	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
843	2.000324	2.000324.01	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
844	2.000609	2.000609.01	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
845	1.014922	1.014922.01	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
846	2.000631	2.000631.01	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
847	1.014920	1.014920.01	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
848	1.003705	1.003705.01	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
849	2.001573	2.001573.01	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
850	2.000191	2.000191.01	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
851	2.001474	2.001474.01	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
852	2.000033	2.000033.01	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
853	2.002605	2.002605.01	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
854	2.002608	2.002608.01	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
855	2.002604	2.002604.01	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
856	2.000004	2.000004.01	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
857	2.000026	2.000026.01	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
858	2.000133	2.000133.01	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
859	2.001730	2.001730.01	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
860	1.014896	1.014896.01	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
861	2.002606	2.002606.01	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
862	2.002607	2.002607.01	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
863	2.000001	2.000001.01	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
864	2.000002	2.000002.01	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
865	2.000131	2.000131.01	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
866	1.000998	1.000998.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
867	2.000221	2.000221.01	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
868	2.000210	2.000210.01	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
869	2.001433	2.001433.01	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
870	1.014894	1.014894.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
871	1.003401	1.003401.01	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
872	2.001434	2.001434.01	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
873	1.014893	1.014893.01	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
874	2.000229	2.000229.01	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
875	1.014847	1.014847.01	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
876	1.003695	1.003695.01	Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
877	1.000965	1.000965.01	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
878	1.013058	1.013058.01	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
879	1.014897	1.014897.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
880	2.000172	2.000172.01	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
881	2.002836	2.002836.01	Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
882	1.014892	1.014892.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
883	2.002834	2.002834.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
884	1.014889	1.014889.01	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
885	1.014714	1.014714.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
886	1.014885	1.014885.01	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viện đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
887	1.014883	1.014883.01	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
888	1.014882	1.014882.01	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
889	1.014880	1.014880.01	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
890	1.014879	1.014879.01	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
891	1.014888	1.014888.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
892	1.014881	1.014881.01	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
893	1.014679	1.014679.01	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
894	1.014677	1.014677.01	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
895	1.014678	1.014678.01	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp))	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
896	1.014676	1.014676.01	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
897	1.002432	1.002432.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
898	1.002373	1.002373.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
899	2.001064	2.001064.01	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
900	1.001686	1.001686.01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
901	1.005319	1.005319.01	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
902	1.004839	1.004839.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
903	1.004756	1.004756.01	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
904	1.014779	1.014779.01	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
905	1.014778	1.014778.01	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
906	1.014777	1.014777.01	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
907	1.003397	1.003397.01	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
908	1.003727	1.003727.01	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
909	1.003712	1.003712.01	Công nhận nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
910	1.003486	1.003486.01	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
911	2.001827	2.001827.01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
912	2.001726	2.001726.01	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
913	2.001254	2.001254.01	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
914	1.004237	1.004237.01	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	Tổng hợp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
915	1.003880	1.003880.01	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
916	1.003211	1.003211.01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
917	1.003203	1.003203.01	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
918	2.001401	2.001401.01	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
919	2.001791	2.001791.01	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
920	1.003867	1.003867.01	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
921	2.001838	2.001838.01	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
922	1.003232	1.003232.01	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
923	1.003221	1.003221.01	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
924	2.001804	2.001804.01	Phê duyệt phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	Thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
925	2.001241	2.001241.01	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
926	1.000970	1.000970.01	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
927	1.000987	1.000987.01	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
928	1.000943	1.000943.01	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
929	1.014674	1.014674.01	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
930	2.002248	2.002248.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
931	1.014547	1.014547.01	Thủ tục hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
932	2.002249	2.002249.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
933	1.014540	1.014540.01	Thủ tục hỗ trợ thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
934	1.014538	1.014538.01	Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
935	1.014895	1.014895.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
936	1.014539	1.014539.01	Thủ tục hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học , công nghệ và đổi mới sáng tạo phổ biến tri thức (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
937	1.014537	1.014537.01	Thủ tục hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
938	1.008709	1.008709.01	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
939	1.008628	1.008628.01	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
940	1.008624	1.008624.01	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
941	1.000688	1.000688.01	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
942	1.000828	1.000828.01	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
943	1.001928	1.001928.01	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
944	1.010829	1.010829.02	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
945	1.010825	1.010825.01	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
946	1.002032	1.002032.01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
947	1.002055	1.002055.01	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
948	1.010827	1.010827.01	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
949	1.002079	1.002079.01	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
950	1.010826	1.010826.01	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
951	1.013861	1.013861.01	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
952	1.010824	1.010824.01	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
953	1.014720	1.014720.01	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
954	1.014726	1.014726.01	Thủ tục cấp điều chỉnh Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
955	1.002181	1.002181.01	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
956	1.014725	1.014725.01	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
957	1.002198	1.002198.01	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
958	1.002218	1.002218.01	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
959	1.014732	1.014732.01	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
960	1.014728	1.014728.01	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
961	1.014710	1.014710.01	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
962	1.002234	1.002234.01	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
963	1.014724	1.014724.01	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
964	1.014730	1.014730.01	Thủ tục cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
965	1.014734	1.014734.01	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
966	1.014729	1.014729.01	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
967	1.014727	1.014727.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
968	1.014722	1.014722.01	Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
969	1.014731	1.014731.01	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
970	1.014733	1.014733.01	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
971	1.010821	1.010821.01	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
972	1.014446	1.014446.01	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
973	1.013885	1.013885.01	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
974	1.010817	1.010817.01	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
975	1.010816	1.010816.01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
976	1.010814	1.010814.01	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
977	1.010809	1.010809.01	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
978	1.010803	1.010803.01	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
979	1.014391	1.014391.01	Cấp Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
980	1.014389	1.014389.01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
981	1.014392	1.014392.01	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
982	1.014394	1.014394.01	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
983	1.014388	1.014388.01	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
984	1.014390	1.014390.01	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
985	1.014393	1.014393.01	Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
986	1.010801	1.010801.01	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
987	1.010820	1.010820.01	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
988	1.010819	1.010819.01	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
989	1.010818	1.010818.01	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
990	1.010811	1.010811.02	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
991	1.010808	1.010808.01	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
992	1.010804	1.010804.01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
993	1.010802	1.010802.02	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
994	2.002308	2.002308.01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
995	2.001157	2.001157.01	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
996	1.001257	1.001257.01	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân …	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
997	1.013747	1.013747.01	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
998	1.013746	1.013746.01	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng.	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
999	1.008614	1.008614.01	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1000	1.013749	1.013749.01	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1001	1.010902	1.010902.01	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp Tỉnh)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1002	1.013744	1.013744.01	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1003	1.010822	1.010822.01	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1004	1.010815	1.010815.01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1005	1.010813	1.010813.01	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1006	1.010812	1.010812.01	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1007	1.010823	1.010823.01	Hưởng lại chế độ ưu đãi	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1008	1.010810	1.010810.01	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1009	1.010807	1.010807.01	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1010	1.010806	1.010806.01	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1011	1.010805	1.010805.01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1012	1.010775	1.010775.01	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1013	1.010774	1.010774.01	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1014	1.010788	1.010788.01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1015	1.010783	1.010783.01	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1016	1.014461	1.014461.01	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1017	1.010777	1.010777.01	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1018	2.001396	2.001396.01	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1019	1.014459	1.014459.01	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1020	1.014460	1.014460.01	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1021	1.014197	1.014197.02	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1022	1.014198	1.014198.02	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1023	1.003868	1.003868.01	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất bản, in và phát hành	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1024	1.014201	1.014201.03	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1025	1.005142	1.005142.01	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1026	1.003734	1.003734.01	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Thi, tuyển sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1027	1.014200	1.014200.03	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1028	2.002307	2.002307.02	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1029	1.012605	1.012605.01	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1030	1.012629	1.012629.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ LÀM CHỨC VIỆC ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 34 CỦA LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1031	1.012659	1.012659.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THUYÊN CHUYỂN CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH LÀ NGƯỜI ĐANG BỊ BUỘC TỘI HOẶC CHƯA ĐƯỢC XOÁ ÁN TÍCH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1032	1.012628	1.012628.01	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ LÀM CHỨC VIỆC CỦA TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1033	1.010778	1.010778.01	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1034	1.004889	1.004889.01	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Văn bằng, chứng chỉ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Một phần
1035	2.002757	2.002757.01	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	Chính sách bqp	Bộ Quốc phòng	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1036	1.004946	1.004946.01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
1037	2.002755	2.002755.01	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	Chính sách bqp	Bộ Quốc phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1038	1.005442	1.005442.01	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1039	1.004470	1.004470.01	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1040	1.004379	1.004379.01	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1041	1.000449	1.000449.02	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1042	2.000212	2.000212.01	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1043	1.003687	1.003687.01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1044	1.003659	1.003659.01	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1045	1.003633	1.003633.01	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1046	1.014675	1.014675.01	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
1047	1.014723	1.014723.01	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND Cấp tỉnh	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1048	1.014735	1.014735.01	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1049	1.014721	1.014721.01	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1050	1.003683	1.003683.01	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1051	1.001335	1.001335.01	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	Công nghiệp tiêu dùng	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1052	1.000981	1.000981.01	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1053	1.000911	1.000911.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1054	1.000948	1.000948.01	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1055	1.013976	1.013976.01	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1056	1.000949	1.000949.01	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1057	1.000172	1.000172.01	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1058	1.013912	1.013912.01	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1059	2.000209	2.000209.01	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Công nghiệp tiêu dùng	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1060	1.013904	1.013904.01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1061	1.000363	1.000363.01	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Công nghiệp tiêu dùng	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1062	1.013395	1.013395.01	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1063	1.013394	1.013394.01	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1064	1.013421	1.013421.01	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1065	1.013902	1.013902.01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1066	1.013416	1.013416.01	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh	Điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1067	1.013412	1.013412.01	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh	Điện	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1068	1.013005	1.013005.01	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1069	1.000686	1.000686.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VJ	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1070	1.013907	1.013907.01	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1071	1.013906	1.013906.01	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1072	1.013748	1.013748.01	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ.	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1073	2.002548	2.002548.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1074	1.012353	1.012353.02	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1075	1.013905	1.013905.01	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1076	1.013877	1.013877.01	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1077	1.013888	1.013888.01	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1078	1.013897	1.013897.01	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1079	1.013910	1.013910.01	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1080	1.013899	1.013899.01	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1081	1.013911	1.013911.01	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1082	1.013900	1.013900.01	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1083	1.013927	1.013927.01	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1084	1.013944	1.013944.01	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư -	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1085	1.014437	1.014437.01	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1086	1.014431	1.014431.01	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1087	1.014436	1.014436.01	Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1088	1.014433	1.014433.01	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1089	1.003179	1.003179.01	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1090	1.014435	1.014435.01	Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1091	1.014444	1.014444.01	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1092	1.014526	1.014526.01	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
1093	1.014452	1.014452.01	Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1094	1.014451	1.014451.01	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1095	1.014525	1.014525.01	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
1096	1.014454	1.014454.01	Thủ tục đề xuất tham gia chương trình hỗ trợ voucher	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1097	1.013932	1.013932.02	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của nhà nước	Văn thư và lưu trữ nhà nước	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1098	2.002341	2.002341.01	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	An toàn, vệ sinh lao động	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1099	2.002340	2.002340.01	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	An toàn, vệ sinh lao động	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1100	1.013916	1.013916.01	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1101	1.013919	1.013919.01	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1102	1.013928	1.013928.01	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1103	1.013955	1.013955.01	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
1104	3.000448	3.000448.01	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1105	3.000447	3.000447.01	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1106	1.003039	1.003039.01	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Thiết bị y tế	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1107	1.013966	1.013966.01	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
1108	1.013972	1.013972.01	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
1109	1.014453	1.014453.01	Thủ tục đề nghị hỗ trợ lãi suất vay	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1110	1.013974	1.013974.01	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
1111	1.013970	1.013970.01	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
1112	1.013973	1.013973.01	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1113	1.013925	1.013925.01	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1114	1.013922	1.013922.01	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1115	1.014319	1.014319.01	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG CẤP BỘ, CẤP TỈNH, DỰ ÁN	Lao động	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1116	2.001955	2.001955.01	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền lương	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1117	1.000414	1.000414.01	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1118	1.009467	1.009467.01	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	Lao động, tiền lương	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1119	1.010772	1.010772.01	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1120	1.010781	1.010781.01	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1121	1.010828	1.010828.01	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Người có công	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1122	1.000502	1.000502.01	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	Quản lý lao động ngoài nước	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1123	1.013730	1.013730.01	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	Quản lý lao động ngoài nước	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1124	1.012901	1.012901.01	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	Kinh doanh bất động sản	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1125	1.003640	1.003640.01	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
1126	1.003029	1.003029.01	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B	Thiết bị y tế	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1127	1.003006	1.003006.01	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế	Thiết bị y tế	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1128	3.000449	3.000449.01	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	Thiết bị y tế	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1129	2.002820	2.002820.01	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1130	2.002724	2.002724.01	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1131	1.014113	1.014113.01	Xét tuyển công chức	Công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1132	1.012091	1.012091.02	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1133	1.014318	1.014318.02	Thủ tục tuyển chọn tổng công trình sư dự án	Lao động	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1134	1.014111	1.014111.01	Thi tuyển công chức	Công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Một phần
1135	2.000111	2.000111.01	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	An toàn, vệ sinh lao động	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1136	2.002544	2.002544.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1137	2.002546	2.002546.01	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1138	2.002847	2.002847.01	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1139	2.002711	2.002711.01	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1140	1.000025	1.000025.01	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	Quản lý doanh nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1141	1.014820	1.014820.01	Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Công nghiệp hỗ trợ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1142	2.000635	2.000635.02	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1143	1.004685	1.004685.01	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
1144	1.004681	1.004681.01	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
1145	1.005071	1.005071.01	Sát hạch cấp giấy phép lái tàu	Đường sắt	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1146	2.001895	2.001895.01	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1147	1.013854	1.013854.01	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
1148	1.012990	1.012990.01	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	Bảo trợ xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
1149	2.000819	2.000819.01	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1150	1.001609	1.001609.01	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1151	1.014508	1.014508.01	Thủ tục hỗ trợ làm đường giao thông nội bộ tại khu, điểm du lịch	Du lịch	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1152	1.014958	1.014958.01	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
1153	1.002398	1.002398.01	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1154	1.002384	1.002384.01	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1155	1.002368	1.002368.01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1156	1.014549	1.014549.01	Thủ tục hỗ trợ tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1157	1.014536	1.014536.01	Thủ tục hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học tại Việt Nam (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1158	2.000908	2.000908.01	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1159	1.012805	1.012805.01	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Một phần
1160	1.013909	1.013909.01	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1161	1.013908	1.013908.01	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1162	1.013901	1.013901.01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1163	1.014445	1.014445.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1164	1.014551	1.014551.01	Thủ tục hỗ trợ công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1165	1.007765	1.007765.01	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở và công sở	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
1166	1.013924	1.013924.01	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1167	1.014891	1.014891.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1168	1.014104	1.014104.01	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Một phần
1169	1.115115	1.015021.01	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập	Quản lý lao động ngoài nước	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1170	1.004239	1.004239.01	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1171	1.003570	1.003570.01	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1172	1.015016	1.015016.01	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1173	1.007929	1.007929.01	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1174	2.001610	2.001610.01	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1175	2.001583	2.001583.01	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1176	2.001199	2.001199.01	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1177	2.002043	2.002043.01	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1178	2.002042	2.002042.01	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1179	2.002041	2.002041.01	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp; Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1180	2.002011	2.002011.01	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh; đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1181	2.002009	2.002009.01	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh; đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1182	2.002044	2.002044.01	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1183	2.002069	2.002069.01	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh; thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1184	2.002031	2.002031.01	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1185	2.002045	2.002045.01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1186	1.010026	1.010026.01	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1187	2.002085	2.002085.01	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1188	2.002060	2.002060.01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1189	2.002057	2.002057.01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1190	2.002034	2.002034.01	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1191	2.002032	2.002032.01	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1192	2.002033	2.002033.01	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1193	2.002018	2.002018.01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1194	2.002017	2.002017.01	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1195	2.002015	2.002015.01	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1196	2.002029	2.002029.01	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1197	2.002023	2.002023.01	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1198	2.002020	2.002020.01	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1199	2.002016	2.002016.01	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1200	2.000368	2.000368.01	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường; chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1201	2.000416	2.000416.01	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1202	1.010029	1.010029.01	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1203	1.010010	1.010010.01	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1204	1.005169	1.005169.01	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1205	2.002008	2.002008.01	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1206	1.013942	1.013942.01	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1207	1.013954	1.013954.01	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1208	1.013968	1.013968.01	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1209	1.014440	1.014440.01	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1210	1.014439	1.014439.01	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1211	1.014438	1.014438.01	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1212	2.001169	2.001169.01	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1213	2.001168	2.001168.01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1214	1.011452	1.011452.01	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam	Điện ảnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1215	1.004250	1.004250.01	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1216	1.004104	1.004104.01	Thủ tục công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1217	1.013127	1.013127.01	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m3 đến dưới 50.000 m3, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	Ứng phó sự cố tràn dầu bqp	Bộ Quốc phòng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1218	1.011443	1.011443.02	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1219	1.011445	1.011445.02	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1220	1.011444	1.011444.02	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1221	1.011442	1.011442.02	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1222	1.011441	1.011441.02	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1223	2.000587	2.000587.02	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1224	1.002010	1.002010.02	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1225	1.115146	1.115146.01	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1226	1.009645	1.009645.01	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1227	1.009646	1.009646.01	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1228	1.009642	1.009642.01	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1229	1.009644	1.009644.01	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1230	1.009659	1.009659.01	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1231	1.009759	1.009759.01	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1232	1.009755	1.009755.01	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1233	1.009665	1.009665.01	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1234	1.009671	1.009671.01	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1235	1.009729	1.009729.01	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1236	1.009731	1.009731.01	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1237	1.009736	1.009736.01	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1238	1.009661	1.009661.01	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định ngừng hoạt động dự án của nhà đầu tư	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1239	1.009662	1.009662.01	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định chấm dứt hoạt động dự án của nhà đầu tư	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1240	1.000404	1.000404.02	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1241	2.001576	2.001576.01	Công nhận tiến bộ kỹ thuật	Khoa học và công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1242	1.009647	1.009647.01	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1243	1.009748	1.009748.01	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Một phần
1244	1.009770	1.009770.01	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1245	2.002725	2.002725.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1246	2.002727	2.002727.01	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1247	1.115143	1.115143.01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1248	1.115147	1.115147.01	Thủ tục áp dụng biện pháp bảo đảm đầu tư	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1249	1.009664	1.009664.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1250	1.014748	1.014748.01	Hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1251	1.014749	1.014749.01	Thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm (Cấp tỉnh)	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1252	1.014752	1.014752.01	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1253	1.014753	1.014753.01	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1254	1.014747	1.014747.01	Hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Cấp tỉnh)	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1255	1.014746	1.014746.01	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm (Cấp tỉnh)	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1256	1.014754	1.014754.01	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (Cấp tỉnh)	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1257	1.115144	1.115144.01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1258	1.115145	1.115145.01	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế	Đầu tư tại việt nam	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1259	1.000398	1.000398.01	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1260	1.000366	1.000366.01	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1261	1.000430	1.000430.01	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1262	1.000450	1.000450.01	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu B	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1263	1.000490	1.000490.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi một chiều mẫu A	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1264	1.000664	1.000664.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VC	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1265	1.000695	1.000695.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu E	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1266	1.000676	1.000676.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1267	1.001274	1.001274.01	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1268	1.002960	1.002960.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu Venezuela	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1269	1.003400	1.003400.01	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1270	1.003477	1.003477.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu Peru	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1271	1.007968	1.007968.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1272	1.008361	1.008361.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1273	1.008882	1.008882.01	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1274	1.013643	1.013643.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1275	1.013642	1.013642.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1276	1.014119	1.014119.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1277	1.014700	1.014700.01	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1278	2.000260	2.000260.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu X	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1279	1.115116	1.115116.01	Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại	Trẻ em	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1280	1.003650	1.003650.01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1281	1.004429	1.004429.03	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1282	1.004354	1.004354.02	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1283	1.115159	1.115159.01	Công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1284	1.115160	1.115160.01	Điều chỉnh nội dung của bản công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1285	1.115161	1.115161.01	Hủy bỏ bản công bố năng lực đã được ghi nhận của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1286	1.115162	1.115162.01	Công bố năng lực tư vấn đối với chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1287	1.115163	1.115163.01	Công bố năng lực đánh giá đối với tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1288	1.115164	1.115164.01	Điều chỉnh Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1289	1.115165	1.115165.01	Công bố năng lực đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1290	1.115166	1.115166.01	Điều chỉnh Bản công bố năng lực đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1291	1.115167	1.115167.01	Công bố năng lực tư vấn đối với tổ chức tư vấn	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1292	1.004376	1.004376.03	Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1293	1.010901	1.010901.02	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1294	1.004428	1.004428.02	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1295	1.004430	1.004430.02	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1296	1.004366	1.004366.02	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Bưu chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1297	1.014965	1.014965.02	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân	Quản tài viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1298	1.014966	1.014966.02	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề	Quản tài viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1299	1.014196	1.014196.03	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1300	1.014199	1.014199.03	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1301	1.115184	1.115184.01	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao (địa phương)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1302	1.115185	1.115185.01	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lần đầu (địa phương)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần
1303	1.115186	1.115186.01	Đăng ký thay đổi, bổ sung Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (địa phương)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1304	1.115148	1.115148.01	Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	Tài chính đất đai	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1305	1.003593	1.003593.01	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1306	2.002676	2.002676.01	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp từ trung áp trở lên	Điện lực	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1307	2.002889	2.002889.01	Đổi tên trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1308	1.001477	1.001477.01	Chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
1309	1.014834	1.014834.01	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1310	1.014131	1.014131.01	Thay đổi thành phần tham gia dự án	Biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1311	1.014136	1.014136.01	Đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1312	1.014132	1.014132.01	Hủy đăng ký dự án	Biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1313	1.014129	1.014129.01	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon	Biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1314	1.014133	1.014133.01	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1315	1.011033	1.011033.01	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1316	2.002849	2.002849.01	Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon	Biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1317	2.002848	2.002848.01	Hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện	Biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1318	1.008397	1.008397.01	Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1319	1.008396	1.008396.01	Đánh giá định kì việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1320	1.008398	1.008398.01	Cấp lại Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1321	1.008395	1.008395.01	Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1322	1.006424	1.006424.01	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	An toàn thực phẩm	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1323	1.001882	1.001882.01	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
1324	1.008921	1.008921.03	Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên	Thừa hành viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1325	1.008922	1.008922.03	Bổ nhiệm Thừa hành viên	Thừa hành viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1326	1.008923	1.008923.04	Miễn nhiệm Thừa hành viên	Thừa hành viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1327	1.004645	1.004645.01	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Quảng cáo	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1328	1.008924	1.008924.05	Bổ nhiệm lại Thừa hành viên	Thừa hành viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1329	1.008926	1.008926.02	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên	Thừa hành viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1330	1.008927	1.008927.02	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên	Thừa hành viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1331	1.008928	1.008928.03	Cấp lại Thẻ Thừa hành viên	Thừa hành viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1332	1.008925	1.008925.02	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên	Thừa hành viên	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1333	2.001062	2.001062.01	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1334	1.004500	1.004500.01	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1335	1.010285	1.010285.01	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1336	1.004426	1.004426.01	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1337	1.014701	1.014701.01	Cấp lại Giấy phép xuất, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1338	1.014702	1.014702.01	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1339	1.014703	1.014703.01	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1340	1.010268	1.010268.01	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1341	1.010276	1.010276.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1342	1.010284	1.010284.01	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1343	1.010288	1.010288.01	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1344	1.010272	1.010272.01	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1345	1.010280	1.010280.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1346	1.010304	1.010304.01	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1347	1.010308	1.010308.01	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1348	1.010316	1.010316.01	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1349	1.010317	1.010317.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1350	1.011892	1.011892.01	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1351	1.010265	1.010265.01	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1352	1.010266	1.010266.01	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1353	1.010267	1.010267.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1354	1.010293	1.010293.01	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1355	1.010286	1.010286.01	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1356	1.010295	1.010295.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1357	1.010287	1.010287.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1358	1.010296	1.010296.01	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1359	1.010282	1.010282.01	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1360	2.002338	2.002338.01	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1361	2.002339	2.002339.01	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1362	1.010250	1.010250.01	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1363	1.010283	1.010283.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1364	1.004186	1.004186.01	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1365	1.010259	1.010259.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1366	1.014707	1.014707.01	Cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1367	1.014708	1.014708.01	Thủ tục cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1368	1.014709	1.014709.01	Cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1369	1.014711	1.014711.01	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1370	1.014712	1.014712.01	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1371	1.014713	1.014713.01	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý	Hóa chất	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1372	1.013340	1.013340.01	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1373	1.013350	1.013350.01	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1374	1.013351	1.013351.01	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1375	1.115407	1.115407.01	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao	Vật liệu xây dựng	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1376	1.014541	1.014541.02	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ dành cho tổ chức (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1377	1.001319	1.001319.01	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ	Đăng kiểm	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1378	1.115237	1.115237.01	Cấp tín chỉ các-bon rừng (cấp Tỉnh)	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1379	1.115239	1.115239.01	Đăng ký, điều chỉnh dự án các-bon rừng (cấp Tỉnh)	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1380	1.115235	1.115235.01	Hủy đăng ký dự án các-bon rừng (cấp Tỉnh)	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1381	1.010277	1.010277.01	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1382	1.014919	1.014919.01	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1383	1.014382	1.014382.02	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1384	1.002655	1.002655.02	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1385	2.002785	2.002785.01	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1386	1.013040	1.013040.01	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Cấp tỉnh	Toàn trình
1387	2.002897	2.002897.01	Phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị không phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Điện ảnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1388	2.002898	2.002898.01	Phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị có phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Điện ảnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1389	1.013071	1.013071.01	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ	Đăng kiểm	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1390	1.115594	1.115594.01	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1391	1.014877	1.014877.02	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1392	2.001315	2.001315.01	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1393	2.001282	2.001282.02	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1394	1.014741	1.014741.01	Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1395	1.014743	1.014743.01	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1396	1.014952	1.014952.01	Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1397	1.014951	1.014951.01	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1398	1.014954	1.014954.01	Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1399	1.014948	1.014948.01	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1400	3.000125	3.000125.01	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học triển lãm, quảng cáo	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1401	3.000179	3.000179.01	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và kiểm lâm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1402	1.002571	1.002571.01	Đăng ký, Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1403	2.001524	2.001524.01	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1404	2.001515	2.001515.01	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1405	2.001558	2.001558.01	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1406	1.002992	1.002992.01	Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1407	1.003026	1.003026.01	Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1408	2.001872	2.001872.01	Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Thú y	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1409	1.013353	1.013353.03	Báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1410	1.013354	1.013354.02	Báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD)	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1411	1.013355	1.013355.03	Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1412	1.013356	1.013356.03	Đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam ".vn"	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1413	1.013050	1.013050.01	Đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1414	1.013049	1.013049.01	Đăng ký mới để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1415	2.001575	2.001575.01	Cấp Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1416	1.003384	1.003384.01	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1417	2.001765	2.001765.01	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1418	1.115417	1.115417.01	Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	Thương mại điện tử	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1419	1.115418	1.115418.01	Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	Thương mại điện tử	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1420	1.115419	1.115419.01	Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến	Thương mại điện tử	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1421	1.115420	1.115420.01	Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	Thương mại điện tử	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1422	1.115421	1.115421.01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	Thương mại điện tử	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1423	1.115422	1.115422.01	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	Thương mại điện tử	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1424	1.115397	1.115397.01	Phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA	Hội nhập kinh tế quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1425	1.115398	1.115398.01	Phê duyệt đề xuất sửa đổi hoặc ngừng thực hiện đề xuất hỗ trợ của Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA	Hội nhập kinh tế quốc tế	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1426	1.115399	1.115399.01	Thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1427	1.115400	1.115400.01	Chấm dứt hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng	Xúc tiến thương mại	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1428	1.115615	1.115615.01	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1429	1.015014	1.015014.02	Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1430	1.009407	1.009407.01	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Y dược cổ truyền	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1431	3.000605	3.000605.01	Phê duyệt chủ trương đăng cai hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Hội nghị, hội thảo quốc tế	Bộ Ngoại giao	Cấp tỉnh	Toàn trình
1432	3.000604	3.000604.01	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Hội nghị, hội thảo quốc tế	Bộ Ngoại giao	Cấp tỉnh	Toàn trình
1433	1.115700	1.115700.01	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (Cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1434	1.011030	1.011030.01	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1435	3.000619	3.000619.01	Chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	Điện lực	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1436	3.000620	3.000620.01	Điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện	Điện lực	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1437	2.002784	2.002784.03	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1438	2.002786	2.002786.02	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1439	3.000242	3.000242.01	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	Quản lý xuất nhập cảnh	Bộ Công an	Cấp tỉnh	Một phần
1440	1.009397	1.009397.01	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật	Nghệ thuật biểu diễn	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1441	1.009403	1.009403.01	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1442	1.009398	1.009398.01	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan	Nghệ thuật biểu diễn	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1443	1.009399	1.009399.01	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1444	1.010281	1.010281.02	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1445	1.003300	1.003300.05	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1446	2.002779	2.002779.01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1447	1.115134	1.115134.01	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1448	1.115135	1.115135.01	Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1449	1.013903	1.013903.01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1450	1.001382	1.001382.01	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1451	1.115117	1.115117.01	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu UAE-VN	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1452	1.010278	1.010278.02	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1453	1.013918	1.013918.02	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1454	2.002286	2.002286.01	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
1455	1.000703	1.000703.01	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
1456	3.000575	3.000575.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1457	2.002288	2.002288.01	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
1458	2.002285	2.002285.01	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Đường bộ	Bộ xây dựng (Giao thông vận tải cũ)	Cấp tỉnh	Toàn trình
1459	1.115949	1.115949.01	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1460	1.115948	1.115948.02	Công bố mở cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1461	1.115947	1.115947.01	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Bộ Xây dựng	Cấp tỉnh	Toàn trình
1462	1.013370	1.013370.02	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1463	1.004962	1.004962.02	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông (trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1464	1.013385	1.013385.02	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1465	1.013379	1.013379.02	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1466	1.013376	1.013376.02	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1467	1.013375	1.013375.02	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1468	1.013377	1.013377.02	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1469	1.013382	1.013382.02	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1470	1.013384	1.013384.02	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1471	1.005444	1.005444.02	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1472	1.005445	1.005445.02	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1473	1.003370	1.003370.02	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1474	1.003249	1.003249.02	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1475	1.013381	1.013381.02	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1476	1.014012	1.014012.03	Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1477	1.014015	1.014015.03	Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá	Viễn thông và internet	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1478	1.115595	1.115595.01	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1479	1.115596	1.115596.01	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1480	1.115597	1.115597.01	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích là tổ chức	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1481	1.115598	1.115598.01	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1482	1.115599	1.115599.01	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai số 31/2024/QH15	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1483	1.115600	1.115600.01	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1484	1.115601	1.115601.01	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1485	1.115602	1.115602.01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1486	1.115603	1.115603.01	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1487	1.115604	1.115604.01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1488	1.115605	1.115605.01	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1489	1.115607	1.115607.01	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích; gia hạn sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1490	1.115608	1.115608.01	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1491	1.115616	1.115616.01	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1492	1.115618	1.115618.01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1493	1.115647	1.115647.01	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1494	1.115629	1.115629.01	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; g…	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1495	1.115632	1.115632.01	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu cô…	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1496	1.115635	1.115635.01	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1497	1.115636	1.115636.01	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1498	1.115637	1.115637.01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1499	1.115642	1.115642.01	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1500	1.115644	1.115644.01	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1501	1.115619	1.115619.01	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1502	1.115614	1.115614.01	Tách thửa đất, hợp thửa đất	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1503	1.115613	1.115613.01	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1504	1.014662	1.014662.02	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1505	1.115141	1.115141.02	Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1506	1.115139	1.115139.01	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1507	1.115138	1.115138.01	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1508	1.115137	1.115137.02	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1509	1.014667	1.014667.02	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1510	1.014673	1.014673.02	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1511	1.014671	1.014671.02	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1512	1.014666	1.014666.02	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1513	1.014665	1.014665.02	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1514	1.014642	1.014642.03	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1515	1.115609	1.115609.01	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1516	1.014645	1.014645.02	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1517	1.014648	1.014648.02	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1518	1.014656	1.014656.03	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp))	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1519	1.014660	1.014660.02	Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1520	1.014661	1.014661.02	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở	An toàn bức xạ và hạt nhân	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1521	1.115610	1.115610.01	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1522	1.115611	1.115611.01	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1523	1.115612	1.115612.01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1524	1.115617	1.115617.01	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1525	1.115631	1.115631.01	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận ch…	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1526	1.115639	1.115639.01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1527	1.115606	1.115606.01	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.	Đất đai	UBND Thành phố Hải Phòng	Cấp tỉnh	Một phần
1528	1.009374	1.009374.01	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1529	1.009386	1.009386.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1530	1.013781	1.013781.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1531	1.013782	1.013782.01	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1532	1.013784	1.013784.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1533	1.013785	1.013785.01	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1534	1.013788	1.013788.01	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1535	1.013790	1.013790.01	Thủ tục đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1536	1.013789	1.013789.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1537	3.000574	3.000574.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1538	1.003814	1.003814.02	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1539	2.001604	2.001604.02	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh	Toàn trình
1540	1.116487	1.116487.01	Cấp giấy phép hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1541	1.012168	1.012168.02	Cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1542	1.012527	1.012527.02	Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1543	1.014878	1.014878.02	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1544	1.014876	1.014876.04	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1545	1.115699	1.115699.01	Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1546	1.115701	1.115701.01	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1547	1.010297	1.010297.01	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1548	1.115702	1.115702.01	Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1549	1.115703	1.115703.01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1550	1.115704	1.115704.01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1551	1.115705	1.115705.01	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược đầu tư vào khu công nghệ cao (Cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1552	2.002788	2.002788.02	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1553	2.002777	2.002777.02	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1554	2.002783	2.002783.02	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1555	1.010294	1.010294.02	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1556	2.002781	2.002781.01	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1557	2.002782	2.002782.01	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1558	2.002778	2.002778.01	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1559	2.002775	2.002775.01	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1560	2.002776	2.002776.01	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1561	2.002789	2.002789.01	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1562	2.002780	2.002780.01	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1563	1.010279	1.010279.01	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất	Tần số vô tuyến điện	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1564	1.001379	1.001379.01	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1565	1.116316	1.116316.03	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 16/2026/TT-BNV	Việc làm	Bộ Nội vụ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1566	1.003091	1.003091.01	Yêu cầu thi hành án dân sự (cấp tỉnh)	Thi hành án dân sự	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1567	1.116644	1.116644.01	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1568	1.116645	1.116645.01	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1569	1.116646	1.116646.01	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản, xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1570	1.116647	1.116647.01	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1571	1.116648	1.116648.01	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1572	1.116649	1.116649.01	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1573	1.116651	1.116651.01	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1574	1.116653	1.116653.01	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1575	1.116654	1.116654.01	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1576	1.116656	1.116656.01	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1577	1.116672	1.116672.01	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1578	1.116666	1.116666.01	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1579	1.116668	1.116668.01	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1580	1.116669	1.116669.01	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1581	1.116671	1.116671.01	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1582	1.116672	1.116672.02	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1583	1.116674	1.116674.01	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1584	1.116675	1.116675.01	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1585	1.116676	1.116676.01	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1586	1.116677	1.116677.01	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1587	1.116680	1.116680.01	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1588	1.116562	1.116562.01	Thủ tục xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1589	1.116563	1.116563.01	hủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại do mất, thất lạc, hư hỏng Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1590	1.013771	1.013771.02	Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu,tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1591	1.001379	1.001379.02	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1592	2.000006	2.000006.02	Cấp phép quá cảnh hàng hoá của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1593	1.013982	1.013982.02	Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hoá của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1594	2.000521	2.000521.02	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia	Xuất nhập khẩu	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1595	1.000194	1.000194.01	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cấp tỉnh	Toàn trình
1596	1.116652	1.116652.01	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1597	1.116655	1.116655.01	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1598	1.116650	1.116650.01	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1599	1.116657	1.116657.01	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1600	1.116658	1.116658.01	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1601	1.116659	1.116659.01	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1602	1.116660	1.116660.01	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1603	1.116661	1.116661.01	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1604	1.116662	1.116662.01	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1605	1.116663	1.116663.01	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1606	1.116664	1.116664.01	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1607	1.116665	1.116665.01	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1608	1.116667	1.116667.01	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1609	1.116670	1.116670.01	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1610	1.116673	1.116673.01	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Địa chất và khoáng sản	Bộ Công thương	Cấp tỉnh	Toàn trình
1611	1.116907	1.116907.01	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1612	1.116908	1.116908.01	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	Bộ Y tế	Cấp tỉnh	Toàn trình
1613	1.116834	1.116834.01	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	Giáo dục thường xuyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1614	1.116825	1.116825.01	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1615	1.014917	1.014917.01	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1616	1.014918	1.014918.01	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1617	1.014636	1.014636.01	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1618	1.014637	1.014637.01	Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1619	1.014638	1.014638.01	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép cho thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	Toàn trình
1620	1.116557	1.116557.02	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)	Tiếp cận thông tin	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1621	1.116556	1.116556.02	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	Tiếp cận thông tin	Bộ Tư pháp	Cấp tỉnh	Toàn trình
1622	1.004233	1.004233.02	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1623	1.116208	1.116208.01	Chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp tỉnh	Toàn trình
1624	1.116832	1.116832.03	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	Giáo dục thường xuyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1625	2.002933	2.002933.03	Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường trung học nghề (bao gồm trường trung cấp quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP)	Giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1626	1.116812	1.116812.03	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1627	1.116833	1.116833.02	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	Giáo dục thường xuyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1628	1.116824	1.116824.01	Cho phép thành lập trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1629	1.115984	1.115984.01	Xóa chi phí bồi hoàn (cấp tỉnh)	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1630	1.116810	1.116810.01	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập	Giáo dục mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1631	1.116811	1.116811.03	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1632	1.116813	1.116813.02	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học, trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1633	1.116814	1.116814.02	Đổi tên trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1634	1.116815	1.116815.02	Thay đổi địa điểm hoạt động giáo dục của trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1635	1.116826	1.116826.01	Giải thể trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1636	1.116827	1.116827.02	Cho phép thành lập trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1637	1.116828	1.116828.01	Cho phép thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1638	1.116829	1.116829.01	Giải thể trường tiểu học, trường trung học cơ sở theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1639	1.116830	1.116830.01	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1640	1.116831	1.116831.01	Giải thể trường mầm non theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1641	2.002924	2.002924.01	Thay đổi địa điểm trụ sở chính và phân hiệu của trường trung học nghề, trường trung cấp	Giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1642	2.002932	2.002932.01	Thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1643	2.002934	2.002934.01	Thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình
1644	2.002935	2.002935.01	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Mã DVC	Tên Thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Mức độ cung cấp
1645	2.002936	2.002936.01	Giải thể, cho phép giải thể trường trung cấp, trường trung học nghề, phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập	Giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh	Toàn trình